

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2017
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đặng Quang Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Q**, sinh năm: 1978

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị H**, sinh năm: 1983

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Q có mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Q trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H quen biết và tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 2003, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu và đã được UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 05/04/2005. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề kinh tế gia đình, đồng thời chị H có người đàn ông khác bên ngoài. Kể từ thời gian này chị H đã dẫn 01 con chung tên Nguyễn Hồng Đ bỏ nhà đi cho đến nay, không có tin tức gì. Sau khi chị H dẫn con bỏ đi, anh đã tìm kiếm nhiều nơi, hỏi bạn bè, ba mẹ của chị H ở tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu nhưng không có tin tức gì, không ai biết chị H đang ở đâu và làm gì. Từ khi chị H dẫn con chung đi cho đến nay chị H cũng không liên lạc hay điện thoại gì cho anh. Do chị H biệt tích đã lâu không có tin tức nên ngày 21/7/2014, anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích. Ngày 19/01/2015, TAND huyện Vĩnh Cửu đã ban hành Quyết định số 02/2015/QĐDS-ST tuyên bố chị H mất tích. Từ khi bị tuyên bố mất tích cho đến nay chị H cũng không liên lạc, anh cũng không có tin tức gì của chị H và chị H cũng chưa trở về.

Nay để ổn định cuộc sống, do chị H mất tích đã lâu nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị H.

- **Về con chung:** anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 02/11/2005. Cháu Đ đã đi theo chị H từ đó cho đến nay không có tin tức gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này chị H và cháu Đ trở về thì anh chị sẽ tự giải quyết với nhau.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Huỳnh Thị H (bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên bố mất tích) đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

- + Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;
- + Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;
- + Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng chị H vắng mặt, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh Q và chị H đã có mâu thuẫn trầm trọng, anh Q không còn tình cảm với chị H. Chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Q. Anh Q được ly hôn chị H.

+ Về quan hệ con chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

- + Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- + Án phí anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn anh Nguyễn Minh Q có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Huỳnh Thị H, nơi cư trú cuối cùng: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định anh Q là nguyên đơn, chị H là bị đơn, quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: anh Q và chị H kết hôn với nhau năm 2005 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01 ngày 05/4/2005 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Q, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2011 thì phát sinh mâu thuẫn do đó chị H đã dẫn 01 con chung tên Nguyễn Hồng Đ bỏ nhà đi cho đến nay, không có tin tức gì. Anh đã tìm kiếm nhiều nơi, hỏi bạn bè, ba mẹ của chị H ở tại ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu nhưng không có tin tức gì, không ai biết chị H đang ở đâu và làm gì. Từ khi chị H dẫn con chung đi cho đến nay chị H cũng không liên lạc hay điện thoại gì cho anh Q. Do chị H đã biệt tích đã lâu không có tin tức nên ngày 21/7/2014, anh Q đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích. Ngày 19/01/2015, TAND huyện Vĩnh Cửu đã ban hành Quyết định số 02/2015/QĐDS-ST tuyên bố chị H mất tích. Từ khi bị tuyên bố mất tích cho đến nay chị H cũng không liên lạc, anh Q cũng không có tin tức gì của chị H và chị H cũng chưa trở về.

Do chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Nên căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của anh Q là có cơ sở chấp nhận. Anh Q được ly hôn chị H.

- Về quan hệ con chung: Theo anh Q, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 02/11/2005. Cháu Đ đã đi theo chị H từ đó cho đến nay không có tin tức gì nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 009956 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 85, 87, 88, 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Q được ly hôn chị Huỳnh Thị H.
- Về quan hệ con chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 009956 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh Q được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Huỳnh Thị H quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND H.VC, T.ĐN;
- Thi hành án H.VC;
- UBND xã Bình Lợi, H.Vĩnh Cửu;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn

